

Phụ lục 01

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. **Mục đích:** làm cơ sở thiết lập Hệ thống quản lý thông tin hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bền vững, hiệu quả và giảm thiểu việc cơ quan quản lý và cơ sở KBCB phải báo cáo dữ liệu đột xuất, theo yêu cầu của các bên liên quan.

Lưu ý: Khi hoàn thành thiết lập Hệ thống quản lý thông tin hoạt động KBCB, những thông tin về cơ sở KBCB trên phiếu khảo sát này sẽ được cập nhật trên Hệ thống và cơ sở KBCB chỉ cập nhật khi thông tin thay đổi hoặc theo tần suất báo cáo định kỳ.

2. Địa điểm khảo sát:

- a) Các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- b) Các cơ sở KBCB thuộc Bộ khác và các trường Đại học khối ngành sức khỏe;
- c) Các cơ sở KBCB thuộc các tỉnh, thành phố, bao gồm: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tỉnh, thành phố; trung tâm vận chuyển cấp cứu (độc lập); các trung tâm y tế quận, huyện (2 chức năng) hoặc bệnh viện quận, huyện; các trạm y tế xã, phường
- d) Các cơ sở KBCB tư nhân.

Lưu ý: trường hợp bệnh viện có nhiều cơ sở, mỗi cơ sở sẽ điền thông tin của từng cơ sở.

3. Nội dung và mẫu phiếu khảo sát:

- a) Nội dung khảo sát: thông tin chung, tình hình và kết quả KBCB, năng lực kỹ thuật chuyên môn KBCB; quản lý thông tin KBCB tại cơ sở.
- b) Mẫu phiếu khảo sát trên đường link https://bit.ly/esim_cskcb.

4. Cách thức hoàn thành, nộp phiếu khảo sát:

- a) Thu thập thông tin trên phiếu khảo sát bản giấy (mẫu phiếu gửi kèm theo);
- b) Nhập thông tin trên phiếu khảo sát (bản giấy) vào Phiếu khảo sát trên link trực tuyến, **hoàn thành trước ngày 27/04/2024:** https://bit.ly/esim_upload_khaosat
- c) Hướng dẫn điền phiếu khảo sát (gửi kèm theo) hoặc download trên link https://bit.ly/huongdan_dieutra_cskcb".

5. Đầu mối liên hệ khi cần:

- a) ThS. Ngô Tuấn: điện thoại: 0987358379, Email: nstuan@gmail.com
- b) ThS. Nguyễn Lê Linh Chi: điện thoại: 0393214244, Email: chi.nguyen0092@gmail.com
- c) CN. Đỗ Thị Thu: điện thoại: 0984723924, Email: dothu156@gmail.com.

6. Nội dung phiếu khảo sát

Ghi chú: các câu hỏi có dấu* là câu hỏi bắt buộc phải trả lời

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
I.	Thông tin chung	
1.	Tên Cơ sở KBCB (viết tắt là Cơ sở)*	
2.	Mã Cơ sở*	
3.	Số thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Cơ sở*	
4.	Số giấy phép hoạt động (GPHĐ) (cập nhật nhất)*	
5.	Ngày cấp GPHĐ* (<i>định dạng: ngày/tháng/năm dd/mm/yyyy</i>)	/...../.....
6.	Cơ quan cấp GPHĐ*	1) Bộ Y tế 2) Bộ Quốc phòng 3) Bộ Công an 4) Bộ Giao thông vận tải 5) Sở Y tế tỉnh, thành phố 6) Khác (ghi cụ thể)
7.	Địa chỉ	
	7.1 Mã tỉnh, thành phố ¹ *	
	7.2. Mã quận, huyện*	
	7.3. Số nhà/thôn, đường/phố, xã/phường*	
8.	Tọa độ vị trí địa lý của Cơ sở (dựa vào hệ thống vệ tinh - GPS)* (<i>cách thực hiện trên link khảo sát trực tuyến: (1) bấm vào thanh màu xanh có dòng chữ "Record location" để mở bản đồ. (2) sử dụng chuột di chuyển biểu tượng chọn điểm màu đỏ đến vị trí chính xác nhất của cơ sở. (3) bấm chọn thanh màu xanh có dòng chữ "replace location". (4) Nhấn nút "NEXT" để hoàn tất lấy vị trí</i>) (<i>cách thực hiện lấy thông tin tọa độ địa lý từ điện thoại di động với google maps: (1) mở ứng dụng Google maps, (2) bật GPS, (3) nhấn biểu tượng GPS point, (4) nhấn giữ trên màn hình google maps biểu tượng điểm màu xanh nước biển, (5) lấy thông tin kinh độ và vĩ độ là dãy số trên thanh công cụ tìm kiếm – ví dụ 21.002122, 105.840276</i>)	

¹ Lưu ý: với cơ sở trực thuộc Bộ, ngành, trường đại học, tư nhân: Cơ sở đặt ở địa phương nào lấy mã tỉnh, TP đó.

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
9.	Trực thuộc, loại hình* (câu hỏi với nhiều lựa chọn trả lời)	1) Bộ Y tế 2) Bộ Quốc phòng 3) Bộ Công an 4) Bộ Giao thông vận tải 5) Sở Y tế tỉnh, thành phố (SYT) 6) Trường đại học 7) Tư nhân 8) Công tư kết hợp 9) Khác, ghi cụ thể.....
10.	Người đứng đầu Cơ sở*	Họ tên: Điện thoại: Email:
11.	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp (đối với bệnh viện)	Họ tên: Điện thoại: Email:
12.	Hình thức tổ chức của Cơ sở (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời, trường hợp hình thức tổ chức khác với các danh mục đã liệt kê, hoặc liên chuyên khoa: ghi vào mục khác)*	1) Bệnh viện đa khoa 2) Bệnh viện chuyên khoa: a) Hồi sức cấp cứu và chống độc b) Nội khoa c) Tim mạch d) Hô hấp e) Thận kinh f) Thận – tiết niệu g) Tiêu hóa h) Cơ xương khớp i) Dị ứng – miễn dịch lâm sàng j) Truyền nhiễm k) Nhi khoa l) Lão khoa m) Lao n) Da liễu o) Tâm thần p) Nội tiết q) Y học cổ truyền r) Ngoại khoa s) Bỏng t) Ung bướu u) Phụ sản v) Mắt w) Tai mũi họng x) Răng hàm mặt y) Phục hồi chức năng

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
		z) Điện quang aa) Y học hạt nhân bb) Nội soi chẩn đoán, can thiệp cc) Thăm dò chức năng dd) Huyết học - truyền máu ee) Hóa sinh ff) Vi sinh gg) Giải phẫu bệnh – tế bào học hh) Tạo hình - Thẩm mỹ ii) Khác (ghi cụ thể): 3) Phòng khám: a) Phòng khám đa khoa b) Phòng khám chuyên khoa c) Phòng khám liên chuyên khoa d) Phòng khám bác sỹ y khoa e) Phòng khám y học cổ truyền f) Phòng khám răng hàm mặt g) Phòng khám dinh dưỡng h) Phòng khám y sỹ đa khoa 4) Trạm y tế 5) Nhà hộ sinh 6) Phòng chẩn trị y học cổ truyền 7) Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng a) Cơ sở xét nghiệm b) Cơ sở chẩn đoán hình ảnh; c) Cơ sở xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh 8) Cơ sở KBCB y học gia đình 9) Cơ sở kỹ thuật phục hình răng 10) Cơ sở kỹ thuật PHCN 11) Cơ sở tâm lý lâm sàng 12) Cơ sở dịch vụ điều dưỡng 13) Cơ sở dịch vụ hộ sinh 14) Cơ sở chăm sóc giảm nhẹ 15) Cơ sở cấp cứu ngoại viện 16) Cơ sở kính thuốc có thực hiện việc đo, kiểm tra tật khúc xạ 17) Cơ sở lọc máu 18) Khác (ghi cụ thể)
13.	Phạm vi hoạt động chuyên môn trên giấy phép hoạt động* (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời: trường hợp phạm vi hoạt động có tên khác với các danh mục đã	1) Đa khoa 2) Hồi sức cấp cứu và chống độc 3) Nội khoa 4) Tim mạch 5) Hô hấp

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
	liệt kê, đề nghị ghi vào mục khác)	6) Thần kinh 7) Thận – tiết niệu 8) Tiêu hóa 9) Cơ xương khớp 10) Dị ứng – miễn dịch lâm sàng 11) Truyền nhiễm 12) Nhi khoa 13) Lão khoa 14) Lao 15) Da liễu 16) Tâm thần 17) Nội tiết 18) Y học cổ truyền 19) Ngoại khoa 20) Bỏng 21) Ung bướu 22) Phụ sản 23) Mắt 24) Tai mũi họng 25) Răng hàm mặt 26) Phục hồi chức năng 27) Điện quang 28) Y học hạt nhân 29) Nội soi chẩn đoán, can thiệp 30) Thăm dò chức năng 31) Huyết học - truyền máu 32) Hóa sinh 33) Vi sinh 34) Giải phẫu bệnh – tế bào học 35) Tạo hình - Thẩm mỹ 36) Khác (ghi cụ thể):
14.	Tuyến hoặc tương đương*	1) Trung ương 2) Tỉnh 3) Huyện 4) Xã 5) Không phân tuyến
15.	Cấp chuyên môn kỹ thuật (trả lời nếu đã được xếp cấp)	1) Cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu 2) Cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản 3) Cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu
16.	Hạng cơ sở*	1) Hạng đặc biệt 2) Hạng 1 3) Hạng 2 4) Hạng 3 5) Chưa phân hạng

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời	
II.	Giường bệnh, cơ cấu tổ chức (dành cho bệnh viện, trung tâm y tế quận huyện 2 chức năng và phòng khám đa khoa khu vực có GB)	Số GB	
17.	Tổng số giường bệnh*	1) Theo Giấy phép hoạt động/kế hoạch	
		2) Số GB theo yêu cầu	
		3) Số GB cho trẻ em	
18.	Các phòng/trung tâm chức năng* (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời: trường hợp có tên khác với danh mục đã liệt kê, hoặc ghép các phòng: ghi vào mục khác)		
		1) Hành chính	
		2) Quản trị	
		3) Hành chính quản trị	
		4) Kế hoạch tổng hợp	
		5) Tổ chức cán bộ	
		6) Tài chính – Kế toán	
		7) Vật tư và Trang thiết bị y tế	
		8) Dược - Vật tư và Trang thiết bị y tế	
		9) Quản lý chất lượng	
		10) Đào tạo - Chỉ đạo tuyến	
		11) Nghiên cứu khoa học	
		12) Hợp tác quốc tế	
		13) Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế	
		14) Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế	
		15) Công nghệ thông tin	
		16) Điều dưỡng	
		17) Kiểm soát nhiễm khuẩn	
		18) Công tác xã hội	
		19) Công tác xã hội – chăm sóc khách hàng	
		20) Văn phòng	
		21) Pháp chế	
		22) Pháp chế - Văn thư lưu trữ	
		23) Bảo hiểm y tế	
		24) Truyền thông	
		25) Đấu thầu	
		26) Quản lý dự án	
		27) Kiểm toán nội bộ	
		28) Khác (ghi cụ thể):	
			
			
			
			
			
		liệt kê danh sách các phòng/ban/trung tâm cách nhau bởi dấu chấm phẩy ";"	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
19.	Các trung tâm, khoa lâm sàng? [*] (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời. Khoa có giường ICU thì ghi số giường ICU, trường hợp các khoa có tên khác với danh mục đã liệt kê, hoặc ghép các khoa: đề nghị ghi vào mục khác)	Tên khoa	Số GB	Số GB ICU
		1) Khám bệnh		
		2) Khám bệnh theo yêu cầu		
		3) Khám bệnh, điều trị theo yêu cầu		
		4) Điều trị theo yêu cầu		
		5) Điều trị ban ngày		
		6) Khám sức khỏe theo yêu cầu		
		7) Cấp cứu		
		8) Hồi sức tích cực		
		9) Cấp cứu – Hồi sức tích cực		
		10) Chống độc		
		11) Hồi sức tích cực - Chống độc		
		12) Cấp cứu – HSTC – Chống độc		
		13) Nội tổng hợp		
		14) Nội thần kinh		
		15) Đột quỵ		
		16) Bệnh lý mạch máu não		
		17) Nội tim mạch		
		18) Nội Tim mạch nhi		
		19) Nội Tim mạch – chuyển hoá		
		20) Tim mạch – hô hấp		
		21) Tim mạch can thiệp		
		22) Hồi sức tim mạch nhi		
		23) Hồi sức cấp cứu nội tim mạch		
		24) Nhịp Tim học		
		25) Hô hấp		
		26) Hô hấp nhi		
		27) Nội Phổi		
		28) Bệnh phổi mạn tính		
		29) Bệnh phổi nghề nghiệp		
		30) Lao		
		31) Lao hô hấp		
		32) Lao phổi		
		33) Lao phổi mới		
		34) Lao phổi tái phát		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
		35) Lao ngoài phổi		
		36) Tiêu hoá		
		37) Tiêu hoá nhi		
		38) Gan mật		
		39) Gan mật nhi		
		40) Nội thận		
		41) Nội thận – Tiết niệu		
		42) Nội thận – Thận nhân tạo		
		43) Nội thận – Cơ xương khớp		
		44) Nội thận – Nội tiết		
		45) Nội thận – Miễn dịch ghép		
		46) Thận nhân tạo		
		47) Lọc máu		
		48) Nam học		
		49) Nội tiết		
		50) Nội tiết – đái tháo đường		
		51) Nội tiết – thần kinh – huyết học		
		52) Nội tiết – cơ xương khớp		
		53) Nội tiết sinh sản		
		54) Đái tháo đường		
		55) Chăm sóc bàn chân		
		56) Bệnh lý tuyến giáp		
		57) Tim mạch và rối loạn chuyển hoá		
		58) Nội cơ – xương – khớp		
		59) Huyết học – truyền máu		
		60) Huyết học lâm sàng		
		61) Truyền máu		
		62) Hemophilia		
		63) Thalassemia		
		64) Bệnh máu lành tính		
		65) Bệnh máu tổng hợp		
		66) Bệnh máu trẻ em		
		67) Nội soi (chẩn đoán và can thiệp)		
		68) Mắt		
		69) Mắt trẻ em		
		70) Chấn thương mắt		
		71) Dịch kính - võng mạc		
		72) Glacom		
		73) Khúc xạ		
		74) Kết giác mạc		
		75) Giác mạc		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
		76) Đáy mắt		
		77) Màng bồ đào		
		78) Lasik		
		79) Phẫu thuật Phaco		
		80) Tạo hình thẩm mỹ mắt và vùng mắt		
		81) Tai – Mũi – Họng		
		82) Tai – Mũi – Họng trẻ em		
		83) Họng – thanh quản		
		84) Mũi xoang		
		85) Tai		
		86) Tai – Thần kinh		
		87) Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ tai mũi họng		
		88) Răng – Hàm – Mặt		
		89) Răng – Hàm – Mặt trẻ em		
		90) Răng trẻ em		
		91) Răng người cao tuổi		
		92) Nhổ răng, tiểu phẫu		
		93) Nắn chỉnh răng		
		94) Nha chu		
		95) Điều trị nội nha		
		96) Nha tổng quát		
		97) Mắt – TMH - Răng – Hàm – Mặt		
		98) Mắt – Răng – Hàm – Mặt		
		99) Phụ sản		
		100) Phụ nội tiết		
		101) Phụ ung thư		
		102) Sản chậu		
		103) Đẻ/sanh		
		104) Sản bệnh lý		
		105) Sản thường		
		106) Sản nhiễm trùng		
		107) Tiền sản		
		108) Hậu sản		
		109) Chẩn đoán trước sinh		
		110) Can thiệp bào thai		
		111) Hỗ trợ sinh sản		
		112) Hiếm muộn		
		113) Sức khỏe sinh sản và KHHGD		
		114) Chăm sóc và điều trị sơ sinh		
		115) Tế bào gốc và máu cuống rốn		
		116) Sơ sinh		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
		117) Nhi		
		118) Cấp cứu và Chống độc nhi		
		119) Hồi sức tích cực nhi – sơ sinh		
		120) Hồi sức sơ sinh		
		121) Hồi sức (nhiễm)		
		122) Điều trị tích cực ngoại khoa (nhi)		
		123) Sức khỏe vị thành niên		
		124) Nhiễm – thần kinh		
		125) Sốt xuất huyết		
		126) Da liễu		
		127) Da liễu nhi		
		128) Điều trị bệnh da phụ nữ và trẻ em		
		129) Điều trị bệnh da nam giới		
		130) Da liễu – thẩm mỹ da		
		131) Laser và chăm sóc da		
		132) Nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc		
		133) Ung bướu		
		134) Ung bướu nhi		
		135) Ung bướu – xạ trị		
		136) Ung bướu – Y học hạt nhân		
		137) Ung bướu – chăm sóc giảm nhẹ		
		138) Ung thư tổng hợp		
		139) Nội đầu cổ (ung thư)		
		140) Tuyến vú		
		141) Y học hạt nhân		
		142) Hóa trị		
		143) Hóa trị liệu và bệnh máu		
		144) Xạ trị		
		145) Xạ trị, xạ phẫu		
		146) Xạ đầu cổ		
		147) Vật lý xạ trị		
		148) Ung thư gan		
		149) Giám sát ghi nhận ung thư/nghiên cứu phòng, chống ung thư		
		150) Chống đau - Chăm sóc giảm nhẹ		
		151) Chăm sóc giảm nhẹ		
		152) Chống đau		
		153) Chăm sóc giảm nhẹ		
		154) Y học cổ truyền		
		155) Phục hồi chức năng		
		156) Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
		157) Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng		
		158) Thăm dò - Phục hồi chức năng		
		159) Tâm thần		
		160) Sức khỏe tâm thần		
		161) Loạn thần cấp tính		
		162) Loạn thần bán cấp		
		163) Tâm thần nam		
		164) Cấp tính nam		
		165) Bán cấp tính nam		
		166) Mạn tính nam		
		167) Tâm thần nhi		
		168) Tâm thần nữ		
		169) Cấp tính nữ		
		170) Bán cấp tính nữ		
		171) Tâm căn		
		172) Người cao tuổi		
		173) Điều trị nghiện		
		174) Tâm lý lâm sàng		
		175) Tâm thần thực tổn		
		176) Điều trị bắt buộc		
		177) Liệu pháp hoạt động		
		178) Gây mê - Hồi sức		
		179) Phẫu thuật - Gây mê - Hồi sức		
		180) Dự ứng – miễn dịch lâm sàng		
		181) Truyền nhiễm/nhiễm		
		182) Bệnh nhiệt đới		
		183) Điều trị viêm gan		
		184) Lão học		
		185) Thần kinh và Bệnh Alzheimer		
		186) Ngoại tổng hợp		
		187) Phẫu thuật tuyến giáp		
		188) Ngoại thần kinh		
		189) Hồi sức ngoại thần kinh		
		190) Chấn thương sọ não		
		191) Ngoại đầu cổ		
		192) Ngoại lồng ngực		
		193) Ngoại lồng ngực – tim mạch		
		194) Ngoại lồng ngực – mạch máu		
		195) Ngoại lồng ngực – mạch máu - tim		
		196) Ngoại lồng ngực – mạch máu – thần kinh		
		197) Ngoại tim mạch		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời		
		198) Phẫu thuật tim trẻ em		
		199) Phẫu thuật tim người lớn		
		200) Tim bẩm sinh		
		201) Hồi sức phẫu thuật tim		
		202) Hồi sức tim mạch		
		203) Ngoại vú		
		204) Ngoại tiêu hoá		
		205) Ngoại tiêu hoá – gan mật tụy		
		206) Ngoại gan mật tụy		
		207) Ngoại gan mật		
		208) Ngoại hậu môn – trực tràng		
		209) Ngoại đại tràng – tăng sinh môn		
		210) Ngoại thận – tiết niệu		
		211) Ngoại tiết niệu		
		212) Ngoại tiết niệu – ghép thận		
		213) Phẫu thuật nội soi		
		214) Ngoại sản		
		215) Ngoại phụ khoa		
		216) Chấn thương		
		217) Chấn thương chỉnh hình		
		218) Xương		
		219) Phẫu thuật chi trên		
		220) Phẫu thuật chi dưới		
		221) Phẫu thuật chi trên và y học thể thao		
		222) Phẫu thuật cột sống		
		223) Phẫu thuật nhi và trẻ sơ sinh		
		224) Phẫu thuật nhiễm khuẩn		
		225) Y học thẩm mỹ		
		226) Bỏng/phỏng		
		227) Bỏng trẻ em		
		228) Bỏng người lớn		
		229) Liền vết thương		
		230) Bỏng/phỏng – tạo hình thẩm mỹ		
		231) Phẫu thuật hàm mặt – tạo hình thẩm mỹ		
		232) Phẫu thuật hàm mặt		
		233) Phẫu thuật trong miệng		
		234) Cây ghép răng		
		235) Phục hình răng		
		236) Điều trị khe hở môi, vòm miệng		
		237) Tạo hình – thẩm mỹ		
		238) Phẫu thuật mạch máu		

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
		239) Ghép tạng 240) Ghép phổi 241) Ngân hàng mô 242) Ngân hàng mô – Tế bào gốc 243) Ngân hàng mắt 244) Khác: <i>liệt kê danh sách các khoa/trung tâm cách nhau bởi dấu chấm phẩy ";"</i>
20.	Các trung tâm/khoa cận lâm sàng * (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời, trường hợp các khoa, trung tâm có tên khác (về bản chất) với danh mục đã liệt kê, hoặc ghép các khoa: ghi vào mục khác)	1) Xét nghiệm 2) Xét nghiệm huyết học, sinh hoá, miễn dịch và GPB 3) Xét nghiệm vi sinh, nấm, ký sinh trùng 4) Xét nghiệm hoá sinh 5) Xét nghiệm hoá sinh – miễn dịch 6) Xét nghiệm huyết học 7) Xét nghiệm Hoá sinh - Huyết học 8) Xét nghiệm Huyết học – chẩn đoán tế bào 9) Huyết thanh học nhóm máu 10) Tế bào – Tổ chức học 11) Đông máu 12) Di truyền - Sinh học phân tử 13) Miễn dịch 14) Tiếp nhận máu và các thành phần máu 15) Điều chế các thành phần máu 16) Xét nghiệm sàng lọc máu 17) Lưu trữ và phân phối máu 18) Ngân hàng tế bào gốc 19) Ghép tế bào gốc 20) Vi sinh 21) Ký sinh trùng

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
		22) Giải phẫu bệnh
		23) Giải phẫu bệnh – Tế bào học
		24) Xét nghiệm I ốt
		25) Điện quang
		26) Chẩn đoán hình ảnh
		27) Thăm dò chức năng
		28) Thăm dò chức năng hô hấp
		29) Siêu âm – thăm dò chức năng
		30) Chẩn đoán hình ảnh – thăm dò chức năng
		31) PET-CT & Cyclotron
		32) Thính – thanh học
		33) Labo phục hình
		34) Labo Fluor và VLDPNK
		35) Fluor
		36) Nội soi – Thăm dò chức năng
		37) Truyền máu
		38) Huyết học – truyền máu
		39) Dược
		40) Dược – vật tư y tế
		41) Dinh dưỡng
		42) Dinh dưỡng – Tiết chế
		43) Dinh dưỡng – Tiết chế - kiểm soát nhiễm khuẩn
		44) Nhà thuốc
		45) Khác:
		46) Khác:
		47) Khác:
		48) Khác:
		49) Khác:
21.	Quản lý thông tin về số giường còn trống hoặc đang sử dụng*	1. Không quản lý thông tin 2. Có quản lý thông tin: a) Giường nội trú b) Giường Hồi sức tích cực/Hồi sức cấp cứu c) Khác (ghi cụ thể)
III.	Nhân lực (người hành nghề KBCB)	
22.	Công cụ để quản lý thông tin người hành nghề KBCB * (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) Quản lý bằng sổ sách 2) Quản lý bằng tệp dữ liệu lưu trên máy tính 3) Quản lý bằng HIS 4) Quản lý bằng phần mềm quản lý nhân sự 5) Khác (ghi cụ thể):

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

25.	Số lượng người hành nghề KBCB tại Cơ sở (theo phạm vi hoạt động chuyên môn trên giấy phép hành nghề, câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	Bác sỹ	Y sỹ	Điều dưỡng	Kỹ thuật y	Hộ sinh	Cử nhân	Được (ĐH)	Được (TH)	Được (Sơ cấp)
	238) Phẫu thuật mạch máu									
	239) Ghép tạng									
	240) Ghép phổi									
	241) Ngân hàng mô									
	242) Ngân hàng mô – Tế bào gốc									
	243) Ngân hàng mắt									
	244) Khác									
	245) Khác									
	246) Khác									
	247) Khác									
	248) Khác									
	249) Khác									
	250) Khác									

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
IV.	Trang thiết bị y tế và hạ tầng kỹ thuật oxy y tế	
26.	Cơ sở sử dụng hệ thống nào để quản lý trang thiết bị y tế? * (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) Quản lý bằng sổ sách 2) Quản lý bằng HIS 3) Quản lý bằng phần mềm quản lý tài sản 4) Quản lý bằng file lưu trên máy tính hoặc cloud 5) Khác (ghi cụ thể):
27.	Tên phòng, ban chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thiết bị y tế và hạ tầng oxy y tế? *	
28.	Thông tin nào dưới đây của trang thiết bị được quản lý? (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	
		1) Tên trang thiết bị 2) Tên thương mại thiết bị 3) Mã thiết bị 4) Model 5) Số Serial
		6) Nhóm thiết bị tự định nghĩa sử dụng nội bộ

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
		7) Nhóm thiết bị y tế theo hệ thống danh pháp quốc tế (GMDN, EMDN, UMDNS, ...) 8) Số lượng 9) Mã hàng hóa xuất nhập khẩu 10) Nước/nơi sản xuất 11) Hãng sản xuất 12) Ngày lắp đặt 13) Thời gian bảo hành 14) Nguồn mua thiết bị 15) Khoa phòng sử dụng 16) Tình trạng sử dụng/hoạt động 17) Các thông tin khác (ghi cụ thể): <i>các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)</i>
29.	Đề nghị đính kèm file biểu mẫu quản lý thông tin thiết bị y tế của Cơ sở* (đính kèm file định dạng PNG, JPG, PDF, Word, Excel)	
30.	Cơ sở có sử dụng oxy y tế không?* (nếu không: không phải trả lời các câu của phần này từ 31-38)	1) Có 2) Không
31.	Phòng ban chịu trách nhiệm quản lý hệ thống oxy y tế?*	
32.	Cơ sở có hệ thống oxy trung tâm?*	1) Có 2) Không
33.	Nguồn cung cấp oxy tại cơ sở?* (chọn tất cả các thiết bị mà cơ sở đang sử dụng)	1) Bồn oxy lỏng 2) Bình/Chai oxy lỏng di động 3) Bình/Chai oxy khí nén 4) Máy tạo oxy 5) Nhà máy/trạm sản xuất oxy PSA
	Bồn oxy lỏng	
	33.1.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của bồn oxy lỏng? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) có thể bỏ qua câu này để đính kèm biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	33.1.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin bồn oxy lỏng* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
	Bình/Chai oxy lỏng di động	
	33.2.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của bình/chai oxy lỏng? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). có thể bỏ qua câu này để đính kèm biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	33.2.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin bình/chai oxy lỏng* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	
	Bình/Chai oxy khí nén	
	33.3.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của chai oxy khí nén (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) có thể bỏ qua câu này để đính kèm biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	33.3.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin bình/chai oxy khí nén* (có thể đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	
	Máy tạo oxy	
	33.4.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của máy tạo oxy (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). có thể bỏ qua câu này để tải biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	33.4.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin máy tạo oxy* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
	Nhà máy/trạm sản xuất oxy PSA	
	33.5 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của nhà máy/trạm sản xuất oxy PSA*	1) Model 2) Tiêu chuẩn xây dựng trạm 3) Tên nhà thầu xây dựng trạm 4) Thời gian trạm được đưa vào vận hành 5) Mức tiêu thụ điện KWh/m ³ 6) Công suất tối đa (m ³) 7) Khoảng điều chỉnh công suất 8) Lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng (m ³) 9) Độ tinh khiết của oxy (%) 10) Có hệ thống đường ống để dẫn oxy đến các khoa/phòng 11) Có hệ thống chiết nạp vào bình khí 12) Số lượng bình khí được chiết nạp mỗi lần 13) Các thông tin khác (ghi cụ thể): (liệt kê, cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;))
34.	Cơ sở có những hệ thống nào dưới đây?* (chọn tất cả các hệ thống mà cơ sở đang sử dụng)	1) Dàn hóa hơi 2) Máy nén khí 3) Hệ thống đường ống dẫn khí đến các khoa/phòng lâm sàng 4) Dàn cấp khí dùng bình khí nén
	Dàn hoá hơi	
	34.1.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của dàn hoá hơi? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). có thể bỏ qua câu này để đính kèm biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	34.1.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin dàn hóa hơi* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
	Máy khí nén	
	33.2.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của máy nén khí? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). Có thể bỏ qua câu này để đính kèm biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	34.2.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin máy khí nén* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	
	Hệ thống đường ống dẫn khí đến các khoa/phòng	
	34.3.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của hệ thống đường ống dẫn khí đến các khoa/phòng? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). có thể bỏ qua câu này để tải biểu mẫu ở câu tiếp theo)	
	34.3.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin hệ thống đường ống dẫn khí đến các khoa/phòng* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	
	Dàn cấp khí dùng bình khí nén	
	34.4.1 Cơ sở đang quản lý thông tin nào của Dàn cấp khí dùng bình khí nén? (các trường thông tin cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) có thể bỏ qua câu này để tải biểu mẫu của đơn vị ở câu tiếp theo)	
	34.4.2 Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin dàn cấp khí dùng bình khí nén* (đính kèm file Word, Excel, ảnh chụp JPG, PNG, PDF)	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
	Quản lý tiêu thụ oxy	
35.	Cơ sở có quản lý, theo dõi tiêu thụ oxy? * (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Không 2) Có, quản lý bằng sổ sách 3) Quản lý tự động bằng phần mềm của hãng cung cấp 4) Quản lý bằng phần mềm tự phát triển (ví dụ HIS) - nhập thủ công 5) Quản lý bằng phần mềm tự phát triển (ví dụ HIS) - lấy dữ liệu tự động 6) Quản lý bằng file dữ liệu lưu trên máy tính/cloud 7) Khác (ghi cụ thể):
36.	Cơ sở của anh/chị theo dõi mức tiêu thụ oxy dựa vào * (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Thống kê mức tiêu thụ oxy ở từng BN theo hồ sơ bệnh án 2) Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng hóa 3) Cách khác (ghi cụ thể):
37.	Chu kỳ/tần suất nhập/ ghi chép dữ liệu quản lý tiêu thụ oxy? * (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Khi có phát sinh 2) Sau mỗi 1 giờ 3) ½ ngày 4) Ngày 5) Tuần 6) Tháng 7) Khác (ghi cụ thể):
38.	Đơn vị đo/tính quản lý tiêu thụ oxy là gì? * (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Lít 2) Mét khối (m ³) 3) Khác (ghi cụ thể):
V.	Danh mục thuốc của Cơ sở	
39.	Cách quản lý thông tin về Danh mục thuốc *	1) Quản lý bằng sổ sách 2) Quản lý trên hệ thống quản lý bệnh viện (HIS) 3) Quản lý bằng phần mềm quản lý Dược - PIS (Pharmacy Information System) 4) Quản lý bằng tệp (file) lưu trên máy tính hoặc cloud 5) Quản lý bằng hình thức khác (ghi cụ thể):

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
40.	Phòng ban nào phụ trách quản lý danh mục thuốc (trả lời câu hỏi này đối với bệnh viện, trung tâm y tế)?*	
41.	Cơ sở quản lý thông tin nào của danh mục thuốc? <i>chọn tất cả những giá trị mà cơ sở đang quản lý bằng phần mềm, file, sổ sách, khác</i>	1) Số đăng ký 2) Tên thuốc (tên thương mại) 3) Tên hoạt chất 4) Mã hoạt chất 5) Mã đường dùng 6) Đường dùng, dạng dùng 7) Hàm lượng 8) Quy cách đóng gói 9) Số lượng nhập/mua 10) Số lượng tồn đầu kỳ 11) Số lượng tồn cuối kỳ 12) Phân loại nhóm thuốc (gây mê, gây tê, kháng sinh,...). - Nhóm kháng sinh đối với thuốc KS (Nhóm được lý) 13) Mã thuốc theo mã quốc tế Anatomical Therapeutic Chemical (ATC) 14) Ngày nhập/mua 15) Đơn vị cung cấp 16) Đơn giá mua 17) Hạn sử dụng 18) Hãng sản xuất 19) Nước sản xuất
42.	Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin về thuốc* <i>(đính kèm file định dạng (file định dạng PNG, JPG, PDF, Word, Excel)</i>	
43.	Cơ sở có quản lý thông tin về tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị tại bệnh viện (theo nhóm được lý kháng sinh)?*	1) Có 2) Không
44.	Nếu có, thì quản lý những thông tin nào? Đề nghị đính kèm biểu mẫu quản lý thông tin tình hình sử dụng thuốc kháng sinh.* <i>(đính kèm file định dạng (file định dạng PNG, JPG, PDF, Word, Excel)</i>	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
VI.	Năng lực kỹ thuật thực hiện và hoạt động chuyên môn KBCB	
45.	Cơ sở quản lý thông tin nào về năng lực kỹ thuật chuyên môn? [*] (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Tổng số kỹ thuật được phê duyệt thực hiện tại Cơ sở 2) Số kỹ thuật thực hiện được (đã hoặc đang triển khai) theo DMKT theo tuyến/cấp chuyên môn kỹ thuật 3) Số kỹ thuật thực hiện được (đã hoặc đang triển khai) theo DMKT được phê duyệt thực hiện tại Cơ sở 4) Số kỹ thuật được phê duyệt, nhưng không thực hiện trong năm.
46.	Cơ sở quản lý thông tin nào sau đây về số lượt thực hiện kỹ thuật đối với một số kỹ thuật? [*] (câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) Tổng số kỹ thuật lần đầu thực hiện tại Việt Nam 2) Tổng số kỹ thuật lần đầu thực hiện trên thế giới 3) Số ca ghép (tim, phổi, gan, thận, chi; tụy...) 4) Ca đẻ/sinh tại BV 5) Số lượt bệnh nhân phải sử dụng oxy 6) Tổng số lượng máu a) Đã sử dụng tại cơ sở (đơn vị tính = lít) b) Tiếp nhận từ người hiến máu tình nguyện c) Tiếp nhận từ trung tâm Huyết học truyền máu d) Tiếp nhận từ các nguồn khác (người nhà, tự thân, người cho máu...)
47.	Cơ sở quản lý thông tin nào về sốt xuất huyết	1) Số BN SXH mới được phát hiện (kỳ báo cáo) 2) Số BN tử vong do sốt xuất huyết
48.	Cơ sở quản lý thông tin nào về sốt rét	1) Số BN sốt rét mới được phát hiện (kỳ báo cáo) 2) Số BN tử vong do sốt rét
49.	Cơ sở quản lý thông tin nào về lao	1) Số BN lao mới được phát hiện (kỳ báo cáo) 2) Số BN tử vong do lao
50.	Cơ sở quản lý thông tin nào về HIV/AIDS (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) Số người nhiễm HIV đang được điều trị ARV đến cuối kỳ báo cáo 2) Số người nhiễm HIV được làm XN CD4 3) Số người nhiễm HIV được làm xét nghiệm tải lượng HIV thường quy 4) Số người nhiễm HIV được chẩn đoán Lao 5) Số người nhiễm HIV được Điều trị Lao tiềm ẩn 6) Số người nhiễm HIV được điều trị viêm gan C 7) Số người có nguy cơ cao nhiễm HIV được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP)

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
51.	Cơ sở quản lý thông tin nào về bệnh truyền nhiễm nổi bật trong kỳ báo cáo (bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện hay bệnh truyền nhiễm lưu hành có diễn biến bất thường)	1) Số BN mới được phát hiện (trong kỳ báo cáo) 2) Số BN tử vong
52.	Cơ sở quản lý thông tin nào về tai nạn thương tích (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) Tai nạn giao thông (V01-V99) 2) Tai nạn lao động (W20- W49) 3) Ngã (W00-W19) 4) Súc vật cắn (W53-W59) 5) Đuối nước (W65-W84) 6) Bỏng (W85-W99, X00-X19) 7) Ngộ độc (X20-X29, X40-X49) 8) Tự tử (X60-X84) 9) Bạo lực (X85-X99, Y00-Y09)
53.	Cơ sở có quản lý thông tin về Tỷ lệ người bệnh hài lòng với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (%)*	1) Có 2) Không
54.	Cơ sở có quản lý thông tin nào về Kết quả điều trị nội trú? (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) ☐ Tỷ lệ người bệnh khỏi 2) ☐ Tỷ lệ người bệnh đỡ, giảm 3) ☐ Tỷ lệ người bệnh không thay đổi 4) ☐ Tỷ lệ người bệnh nặng hơn 5) ☐ Tỷ lệ ra viện sau 48h nhập viện 6) ☐ Tỷ lệ người bệnh tử vong 7) ☐ Tỷ lệ tiên lượng tử vong gia đình xin về 8) ☐ Tỷ lệ tử vong trong 24 giờ nhập viện so tổng số bệnh nhân nhập viện
55.	Cơ sở có quản lý thông tin nào về sự cố y khoa phát hiện được (phân loại theo nhóm sự cố? (theo Thông tư số 43/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018) (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) ☐ Thực hiện quy trình kỹ thuật, thủ thuật chuyên môn 2) ☐ Nhiễm khuẩn bệnh viện 3) ☐ Thuốc và dịch truyền 4) ☐ Máu và các chế phẩm máu 5) ☐ Thiết bị y tế 6) ☐ Hành vi 7) ☐ Tai nạn đối với người bệnh 8) ☐ Hạ tầng cơ sở 9) ☐ Quản lý nguồn lực, tổ chức 10) ☐ Hồ sơ, tài liệu, thủ tục hành chính 11) ☐ Khác (ghi cụ thể):

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
56.	Cơ sở có quản lý thông tin nào về sự cố y khoa phát hiện được (phân loại theo nhóm nguyên nhân gây ra sự cố) (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1) ☐ Nhân viên 2) ☐ Người bệnh 3) ☐ Môi trường làm việc 4) ☐ Tổ chức, dịch vụ 5) ☐ Yếu tố bên ngoài 6) ☐ Khác (ghi cụ thể):
57.	Cơ sở quản lý thông tin nào về tỷ lệ người bệnh khi đến khám bệnh, cấp cứu được chuyển tuyến đến cơ sở khác?*	1) ☐ Chuyển tuyến trên 2) ☐ Chuyển về tuyến dưới 3) ☐ Chuyển giữa các cơ sở KBCB cùng tuyến 4) ☐ Không phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 5) ☐ Theo yêu cầu của người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh
58.	Cơ sở quản lý thông tin nào về Tỷ lệ người bệnh điều trị nội trú được chuyển tuyến?*	1) ☐ Tuyến trên (vượt quá khả năng chuyên môn) 2) ☐ Khám BV chuyên khoa (do không thuộc chức năng của BV) 3) ☐ Chuyển cơ sở KBCB khác (do quá tải) 4) ☐ Tuyến dưới khi điều trị ổn định 5) ☐ Tuyến dưới khi BN có thể điều trị tại tuyến dưới. 6) ☐ Chuyển viện khác (không thuộc các trường hợp trên)
59.	Cơ sở có quản lý thông tin về đề tài Nghiên cứu khoa học (NCKH) đã nghiệm thu?*	1) ☐ Số đề tài NCKH cấp cơ sở 2) ☐ Số đề tài NCKH cấp Bộ/ngành/tỉnh, TP 3) ☐ Số đề NCKH cấp nhà nước
60.	Cơ sở có quản lý thông tin về tổng số đề tài Nghiên cứu khoa học (NCKH) do Cơ sở tham gia, hợp tác với các cơ quan, tổ chức*(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) ☐ Cơ quan, tổ chức trong nước 2) ☐ Cơ quan, tổ chức nước ngoài
61.	Cơ sở có quản lý thông tin nào về tổng số bài báo đã được đăng*(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)	1) ☐ Trên tạp chí chuyên ngành quốc tế 2) ☐ Trên tạp chí chuyên ngành trong nước
VII.	Tài chính	
62.	Cơ sở quản lý thông tin tài chính bằng hệ thống nào?*	1) ☐ Quản lý bằng sổ sách 2) ☐ Sử dụng quản lý tài chính trong hệ thống HIS 3) ☐ Hệ thống thông tin Tài chính - FIS (Financial Information Systems) 4) ☐ Quản lý bằng tệp (file) lưu trên máy tính hoặc cloud 5) Quản lý bằng hình thức khác (ghi cụ thể):

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
63.	Hệ thống quản lý tài chính của Cơ sở có thể trích xuất báo cáo tùy biến theo nhóm thông tin được không?*	1) Có 2) Không 3) Không biết
	<i>trích xuất tùy biến là người dùng có thể lựa chọn các tiêu chí dữ liệu trên hệ thống để tạo ra báo cáo Word, Excel hoặc PDF theo yêu cầu khi cần mà không cần đến sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin</i>	
	63.1 Nếu có, Liệt kê các nhóm thông tin tài chính có thể tùy biến xuất báo cáo trên hệ thống <i>liệt kê danh sách các nhóm thông tin tài chính cách nhau bởi dấu chấm phẩy ";"</i>	
64.	Hệ thống quản lý tài chính của Cơ sở có thể trích xuất trung bình chi phí*	1) Một lượt khám chữa bệnh ngoại trú 2) Một lượt điều trị ban ngày 3) Một lượt điều trị nội trú 4) Một lượt điều trị nội trú theo mã bệnh 5) Một lượt điều trị nội trú theo khoa, phòng
	<i>(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)</i>	
65.	Hệ thống quản lý tài chính có thể trích xuất tổng số các khoản thu*	1) Ngân sách nhà nước cấp 2) Thu từ viện phí trực tiếp 3) Thu từ BHYT 4) Thu từ nguồn xã hội hóa 5) Thu từ các nguồn khác không thuộc nguồn trên (ghi cụ thể)
	<i>(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)</i>	 <i>các nguồn cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)</i>
66.	Hệ thống quản lý tài chính có thể trích xuất chi tiết các nguồn thu viện phí*	1) Có 2) Không
	66.1.1 Người không có thẻ BHYT	1) KCB ngoại trú 2) Điều trị ban ngày 3) Điều trị nội trú
	<i>(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)</i>	
	66.1.2 Người có thẻ BHYT: phần tự chi trả và BHYT chi trả	1) KCB ngoại trú a. Tự chi trả b. BHYT chi trả 2) Điều trị ban ngày a. Tự chi trả b. BHYT chi trả 3) Điều trị nội trú a. Tự chi trả b. BHYT chi trả
	<i>(câu hỏi có nhiều lựa chọn trả lời)</i>	

STT	Câu hỏi	Nội dung trả lời
VIII	TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KBCB THEO BỘ CHỈ SỐ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KBCB (bộ chỉ số gửi kèm theo)	
67.	Cơ sở đang sử dụng hệ thống quản lý thông tin điện tử nào sau đây? [*] (câu hỏi nhiều lựa chọn trả lời)	1. Bệnh án điện tử (Electronic Medical Record - EMR) hoặc hồ sơ sức khỏe điện tử (Electronic Health Record - EHR) 2. Hệ thống thông tin phòng xét nghiệm (LIS/LIMS) 3. Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh RIS/PACS (Radiology Information System/ (Picture Archiving Communication System) 4. Hệ thống thông tin đào tạo, chỉ đạo tuyến, NCKH 5. Khác (ghi cụ thể): (các hệ thống khác nhau cách nhau bởi dấu chấm phẩy ;)
68.	Hệ thống quản lý bệnh án có thể trích xuất báo cáo danh sách bệnh nhân theo mã bệnh ICD-10? [*] trích xuất tùy biến là người dùng có thể lựa chọn các tiêu chí dữ liệu trên hệ thống để tạo ra báo cáo Word, Excel hoặc PDF theo yêu cầu khi cần mà không cần đến sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin chính sửa	1. Có 2. Không 3. Không biết
69.	Cơ sở có nguồn kinh phí hàng năm để duy trì và vận hành hệ thống quản lý thông tin hay không? [*]	1. Có 2. Không 3. Không biết
70.	Cơ sở có sẵn sàng cập nhật, sửa đổi phần mềm đáp ứng liên thông dữ liệu báo cáo chỉ số giám sát KBCB? [*]	1. Có 2. Không 3. Không biết
71.	Đề nghị đính kèm kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng của Cơ sở năm gần nhất [*]	
72.	Đề xuất, kiến nghị Bộ Y tế để quản lý, theo dõi hoạt động KBCB tốt hơn? [*]	

Lãnh đạo Cơ sở
(ký tên, đóng dấu)